TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/KDTM-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST- KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty K**; Trụ sở: Xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo ủy quyền: Bà P, sinh năm 1993; địa chỉ: Số K207/31 đường X, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền số 01/2019/UQ-PTK ngày 04/6/2019 của Giám đốc Công ty). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Công ty N**; địa chỉ: Số K81/12 đường N, tổ 65, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Bà M - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty K trình bày:**

Ngày 15-8-2016, Công ty K và công ty N ký kết "Hợp đồng mua bán số 01/HĐMB/PBN-PTK/2016 về việc mua bán vật liệu xây dựng các loại phục vụ sản

xuất". Theo hợp đồng trên thì Công ty K đồng ý bán các loại vật liệu xây dựng cho Công ty N. Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán giữa hai bên diễn ra từ tháng 8/2016 đến tháng 12/2016, Công ty K đã cung cấp các loại vật liệu xây dựng cho Công ty N theo các hóa đơn ngày 31.8.2016 với số tiền 35.460.000 đồng; hóa đơn ngày 30.9.2016 với số tiền 36.100.000 đồng; 02 hóa đơn ngày 31.10.2016 với số tiền 49.600.000 đồng và 36.460.000 đồng; 02 hóa đơn ngày 31.11.2016 với số tiền 57.280.000 đồng và 90.980.000 đồng; 02 hóa đơn ngày 30.12.2016 với số tiền 7.900.000 đồng và 25.810.000 đồng. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01.01.2017 giữa hai bên thì Công ty N còn nợ Công ty K số tiền 238.030.000 đồng. Công ty N đã thanh toán cho Công ty K số tiền 100.000.000 đồng vào các ngày 04.7.2017 là 50.000.000 đồng; ngày 09.8.2017 là 30.000.000 đồng và ngày 24.5.2018 là 20.000.000 đồng. Số tiền Công ty N còn nợ Công ty K tính đến thời điểm hiện nay là 138.030.000 đồng. Công ty K đã nhiều lần liên lạc yêu cầu phía Công ty N phải thanh toán số tiền còn nợ nói trên nhưng Công ty N vẫn cố tình chây ì, tránh né và không chịu trả nợ số tiền còn lại nói trên nên Công ty K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty K số tiền 138.030.000 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty K số tiền 138.030.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – Công ty N mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty K và Công ty N có mua bán vật liệu xây dựng từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016. Quá trình mua bán, Công ty K đã giao hàng đầy đủ và xuất hóa đơn chứng từ nhưng Công ty N không thanh toán hết số tiền hàng đã giao nên Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty K số tiền 138.030.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty K và Công ty N được thể hiện bằng Hợp đồng mua bán số

01/HĐMB/PBN-PTK/2016 ngày 15/8/2016; các Hóa đơn giá trị giá tăng tại thời điểm giao hàng và Biên bản xác nhận công nợ ngày 01/01/2017 giữa hai công ty thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty N có mua hàng của Công ty K, phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại. Hai bên đã đối chiếu công nợ nhưng đến nay, Công ty N vẫn chưa thanh toán số tiền hàng và còn nợ 138.030.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 280 Bộ luật dân sự. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty K đối với Công ty N là đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty K số tiền 138.030.000 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty N phải chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại; các Điều 280, 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty K đối với Công ty N.

Buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty K số tiền 138.030.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu không trăm ba mươi ngàn đồng).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty N phải chịu là 6.901.500đ (Sáu triệu chín trăm linh một ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty K số tiền tạm ứng án phí 3.450.750đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn bảy trăm năm mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004922 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trích sao bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà